TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **90**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30/9/2022
V/v: *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Cẩm Lình.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Văn Hợp.

Ông Nguyễn Thành Thái.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Như Ngọc, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên toà*:** Bà Phạm Thị Thúy Kiều, kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 335/2022/TLST - HNGĐ ngày 08/7/2022 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2022/QĐXXST - HN ngày 22/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2022/QĐST – HN ngày 12/9/2022, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thủy T, sinh năm 1998 (Có mặt)

* Bị đơn: Anh Lê Văn Th, sinh năm 1984 (Vắng mặt không có lý do)

Cùng địa chỉ: Ấp TA, xã MTA, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thủy T trình bày và tại phiên tòa yêu cầu như sau*:

- *Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Thủy T và anh Lê Văn Th chung sống với nhau từ năm 2017. Trước khi chung sống vợ chồng có quen biết nhau trước khoảng 01 năm thì cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán ở địa phương và có đi thực hiện việc đăng ký kết hôn đã được Uỷ ban nhân dân xã HN, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 15/12/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống và lo làm

ăn tại huyện Phú Quốc 01 thời gian rồi vợ chồng về sinh sống tại ấp TA, xã MTA, huyện Châu Thành cho đến cuối năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và ly thân cho đến nay.

Nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng thường xuyên cự cãi về tiền bạc, luôn bất đồng quan điểm với nhau. Anh Th có bản tính thô lỗ cộc cằn, thường xuyên dùng lời lẽ khó nghe, luôn xúc phạm chị T và gia đình chị. Ngoài ra, anh Th thường hay tụ tập bạn bè chơi cờ bạc thua rồi mượn tiền của những giang hồ buộc chị T phải đứng ra trả nợ nhiều lần và dùng điện thoại nhắn tin tình cảm với nhiều người phụ nữ khác, chị bắt gặp và nói thì anh Th chửi chị.

Do thấy anh Th không sửa đổi được tính tình nên đầu năm 2022, chị đã có đơn khởi kiện xin ly hôn và được Tòa án Châu Thành thụ lý giải quyết nhưng do hai bên gia đình khuyên ngăn và anh Th cũng có năn nỉ, hứa sửa đổi nên chị đồng ý cho anh Th thêm cơ hội sửa đổi nên đã rút đơn khởi kiện và Tòa án ra Quyết định đình chỉ vụ án đối với yêu cầu của chị. Nhưng sau khi chị rút đơn khởi kiện thì đến nay, anh Th vẫn không sửa đổi, tính nào tật nấy. Khi chị T nói thì vợ chồng lại tiếp tục cự cãi.

Từ khi ly thân đến nay, anh chị không có liên lạc với nhau. Do xét thấy, hôn nhân của cả hai không thể hàn gắn được nữa nên chị tiếp tục khởi kiện để yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn Th.

- *Về con chung, tài sản chung và nợ chung*: Chị T xác nhận, trong quá trình chung sống giữa chị và anh Th không có con chung, không có phát sinh tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa chị T yêu cầu: Được ly hôn với anh Lê Văn Th; con chung, tài sản chung và nợ chung giữa chị và anh Th không có nên chị không yêu cầu giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Lê Văn Th vắng mặt không có lời trình bày.*

** Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến*:

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và người tham gia tố tụng*: Đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án*: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T và buộc chị T chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (gọi tắt là HĐXX) nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thủy T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lê Văn Th là tranh chấp dân sự về hôn nhân và gia đình. Qua yêu cầu của đương sự trong vụ án được xác định mối quan hệ pháp luật là "*Ly hôn*". Khi nguyên đơn khởi kiện được Tòa án thụ lý vụ án giải quyết thì bị đơn có nơi cư trú tại ấp TA, xã MTA, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (*Có xác nhận của chính quyền địa phương*) nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét thấy, anh Th đã được Tòa án triệu tập lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm hợp lệ nhưng anh Th vẫn vắng mặt không có lý do nên HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt anh Th.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị T và anh Th chung sống với nhau từ năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã HN, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 15/12/2017 theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Xét yêu cầu của chị T về việc ly hôn với anh Th: Trong quá trình giải quyết, chị T cho rằng sau khi kết hôn và qua thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm với nhau, luôn xảy ra mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên anh chị đã ly thân từ cuối năm 2021 đến nay không có liên lạc với nhau và việc yêu cầu ly hôn với anh Th thì chị đã được thực hiện từ đầu năm 2022 nhưng do hai bên gia đình khuyên ngăn và anh Th cũng có năn nỉ, hứa sửa đổi nên chị đồng ý cho anh Th thêm cơ hội để sửa đổi nên đã rút đơn khởi kiện và Tòa án ra Quyết định đình chỉ vụ án đối với yêu cầu của chị. Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ mà chị T cung cấp và lời trình bày của chị T là phù hợp với nhau. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh Th là hoàn toàn có cơ sở.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhằm động viên anh chị trở về chung sống, tiếp tục xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng chị T cương quyết ly hôn. Đồng thời, việc anh chị ly thân từ năm 2021 đến nay nhưng anh chị không tới lui để quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau là đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Ngoài ra, sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tống đạt các thông báo nêu rõ yêu cầu của chị T đến anh Th được biết nhưng đến nay anh Th không có ý

kiến bằng văn bản gửi đến Tòa án trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị T nên HĐXX không có cơ sở để xem xét yêu cầu của anh Th.

Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của chị T và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, cho chị T được ly hôn với anh Th.

[3] *Về quan hệ con chung, tài sản chung và nợ chung:* Trong quá trình giải quyết, chị T xác định, không tranh chấp nên HĐXX không xem xét.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm (Hôn nhân và gia đình)*: Buộc chị T phải chịu án phí với số tiền là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho chị Nguyễn Thị Thủy T được ly hôn với anh Lê Văn Th.

2. *Về án phí dân sự sơ thẩm (Hôn nhân và gia đình)*: Buộc chị Nguyễn Thị Thủy T chịu án phí là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo lai thu số 0009496 ngày 05/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang nên chị T không phải nộp thêm.

4. *Quyền kháng cáo:* Chị T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (*Ngày 30/9/2022*).

Anh Th vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- TAND tỉnh KG;
- UBND xã HN;
Phú Quốc, Kiên Giang;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Trịnh Thị Cẩm Lình